

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN THÀNH
TỈNH NGHỆ AN**

Bản án số: 72/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 26-09-2017

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH, TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Xuân Thọ - Thẩm phán.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Dũng và ông Nguyễn Sỹ Tổ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hiền – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

Ngày 26 tháng 09 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 220/2017/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 08 năm 2017 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2017/QĐST-HNGĐ, ngày 13 tháng 09 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Đoàn Văn T; nơi cư trú: Thôn 7, xã M, huyện Q, tỉnh Hà Tĩnh. (vắng mặt)

- *Bị đơn:* Chị Bùi Thị L; nơi cư trú: Xóm 9, xã V, huyện T, tỉnh Nghệ An. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/11/2016 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là anh Đoàn Văn T trình bày:

Anh và chị Bùi Thị L kết hôn vào ngày 30/06/2010 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Q, tỉnh Hà Tĩnh, trước khi kết hôn hai bên có tìm hiểu và tự nguyện, không ai lừa dối, ép buộc.

Vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2010 thì xảy ra mâu thuẫn.

Nguyên nhân: Đầu năm 2011 chị L đi làm ăn xa, và không tin tưởng Anh, nghi ngờ anh sống không chung thủy, quan hệ ngoại tình với người khác nên chị L đưa con 2 tháng tuổi về ngoại sống ly thân cho đến nay và cắt mọi quan hệ tình cảm.

Hai gia đình đã vận động chị L về đoàn tụ nhưng chị L không chịu về.

Chị L đã chung sống với người khác, có 02 con chung.

Và Anh cũng chung sống với người khác được hơn một năm.

Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được Anh đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Về nuôi con: Anh và chị L có 01 con chung.

Đoàn Duy P, sinh ngày 06 tháng 10 năm 2010. Cháu Phúc khỏe mạnh.

Cháu P được chị L nuôi từ khi sinh cho tới nay. Nếu ly hôn Anh có nguyện vọng tiếp tục giao cháu P cho chị L nuôi dưỡng.

Anh làm nghề công nhân cơ khí mức thu nhập khoảng 5 đến 6 triệu nên Anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về chia tài sản : Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

Về tố tụng: Nguyên đơn anh Đoàn Văn T và bị đơn chị Bùi Thị L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng anh T, chị L vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ là phù hợp với khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Về Hôn nhân: Anh Đoàn Văn T và chị Bùi Thị L được Ủy ban nhân dân xã M, huyện Q, tỉnh Hà Tĩnh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 14/2010 ngày 30 tháng 06 năm 2010, thủ tục, điều kiện kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Vợ chồng sống hạnh phúc được 06 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chị L nghi ngờ anh sống không chung thủy, quan hệ ngoại tình với người khác nên chị L đưa con 2 tháng tuổi về ngoại sống ly thân cho đến nay và cắt mọi quan hệ tình cảm. Nay Chị L, anh T đều chung sống với người khác và chị L đã có 02 con riêng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị L, anh T đều chung sống với người khác và chị L đã có 02 con riêng nên yêu cầu xin ly hôn của anh T đã thỏa mãn những căn cứ quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Đủ cơ sở chấp nhận cho ly hôn.

Về nuôi con: Vợ chồng có 01 con chung Đoàn Duy P, sinh ngày 06 tháng 10 năm 2010.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu P từ khi sinh ra đến nay, cháu khỏe mạnh, học tập tốt.

Anh T có nguyện vọng giao con cho chị L nuôi dưỡng, để ổn định cuộc sống, sinh hoạt, học tập cho Cháu, nên áp dụng Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình giao chị L nuôi con.

Việc nuôi con là nghĩa vụ, quyền lợi của hai người. Tại bản tự khai anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng một tháng. Xét thấy cháu P đang còn nhỏ, thu nhập của anh Tuyên 5.000.000 đồng/ tháng nên Anh cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng một tháng là phù hợp Điều 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về chia tài sản: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí : Anh T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56; Điều 58, 81, 82, 83, 107, 110 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 273; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu của anh Đoàn Văn T.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Đoàn Văn T và chị Bùi Thị L.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Đoàn Duy P, sinh ngày 06 tháng 10 năm 2010 cho chị Bùi Thị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Đoàn Văn T phải đóng góp nuôi con với chị Bùi Thị L số tiền là 1.000.000 đ/tháng (Một triệu đồng một tháng) cho đến khi cháu Đoàn Duy P thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh Đoàn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Án phí: Anh Đoàn Văn T phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 600.000đ (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006590 ngày 08 tháng 08 năm 2017 của Cơ quan thi hành án dân sự huyện Yên Thành. Anh Đoàn Văn T còn phải nộp 300.000 đ (Ba trăm ngàn đồng).

4. Nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

“Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện Yên Thành;
- Phòng kiểm tra NVTAND tỉnh Nghệ An;
- Cơ quan thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu kết quả;
- Đương sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Xuân Thọ